

ĐÁP ÁN: CHỦ ĐỀ THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN(tt2)

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
Bài 49	D	A	B	D	C	A	B	D	x	x
Bài 50	C	A	B	D	D	A	D	C	B	D

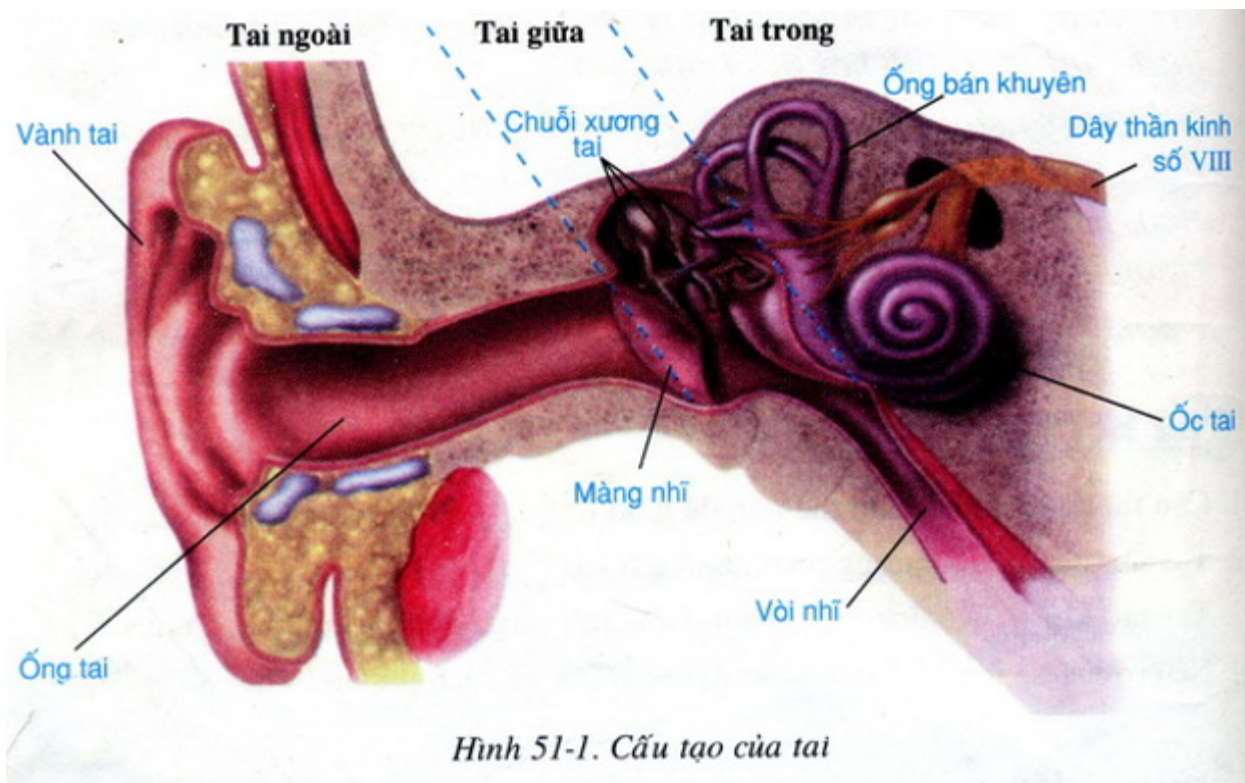
CHỦ ĐỀ THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN(tt3)

Bài 51: Cơ quan phân tích thính giác

A. Lý thuyết

I. Cấu tạo của tai

 Thành phần cấu tạo	Chức năng
Tai ngoài	-Vành tai -Ống tai -Màng nhĩ
Tai giữa	-Chuỗi xương tai -Vòi nhĩ
Tai trong	-Bộ phận tiền đình và các ống bán khuyên -Ốc tai (ốc tai xương, ốc tai màng chứa cơ quan coocti)



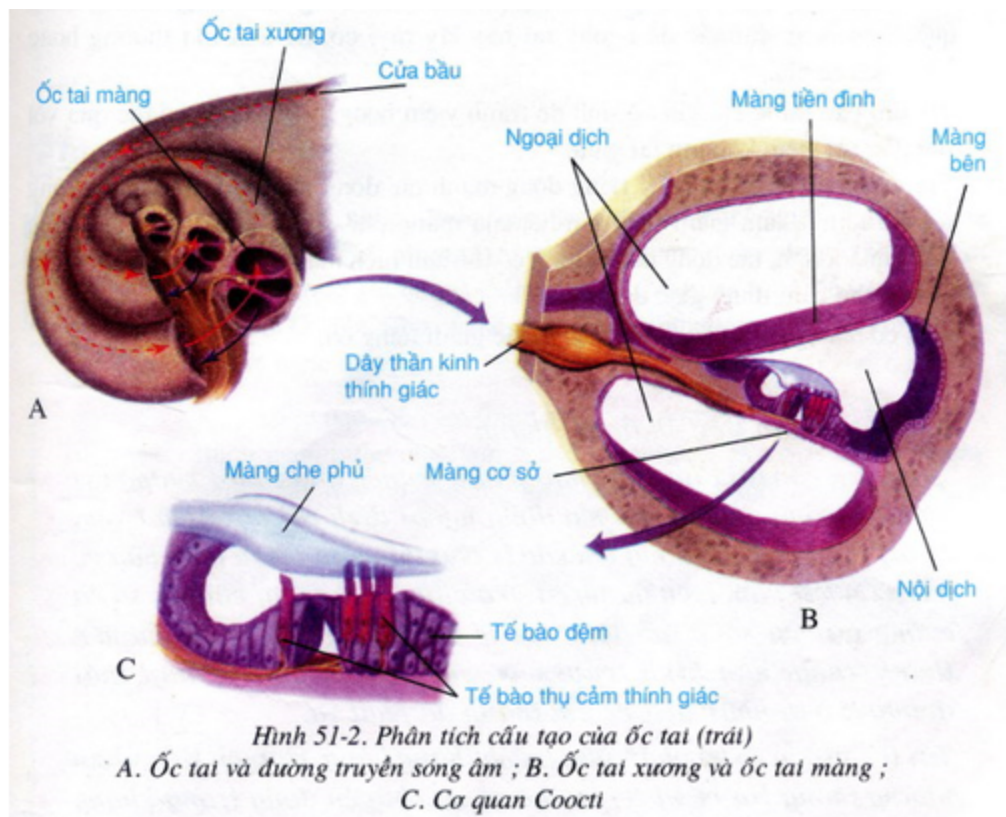
II. Chức năng thu nhận sóng âm:

- Sóng âm từ nguồn âm phát ra được vành tai hứng lấy → ống tai --> làm rung màng nhĩ → chuỗi xương tai → tai trong (làm rung màng “cửa bầu”)

=> làm chuyển động ngoại dịch rồi nội dịch trong ốc tai màng

=> tác động lên cơ quan Coocli kích thích tế bào thụ cảm thính giác nằm trên màng cơ sở ở vùng tương ứng

=> làm các tế bào này hưng phấn chuyển thành xung thần kinh truyền về vùng thính giác ở thùy thái dương cho ta nhận biết về âm thanh đã phát ra.



III. Vệ sinh tai

Thường xuyên vệ sinh tai, giữ gìn tai sạch sẽ

- Không dùng vật nhọn để ngoáy tai
- Giữ vệ sinh mũi, họng để phòng bệnh cho tai.
- Tránh làm việc ở những nơi quá ồn hoặc tiếng động mạnh

- Hạn chế dùng thuốc kháng sinh dễ gây ù tai, điếc tai

B. Trắc nghiệm

Câu 1: Tai được chia ra làm 3 phần, đó là những phần nào?

- A. Vành tai, tai giữa, tai trong.
- B. Tai ngoài, tai giữa, tai trong.
- C. Vành tai, ống tai, màng nhĩ.
- D. Tai ngoài, màng nhĩ, tai trong.

Câu 2: Thành phần nào dưới đây không thuộc tai trong?

- A. Ống bán khuyên.
- B. Dây thần kinh số VIII.
- C. Ốc tai.
- D. Màng nhĩ.

Câu 3: Bộ phận tiền đình và các ống bán khuyên có chức năng gì?

- A. Thu nhận các thông tin về vị trí và sự chuyển động của cơ thể trong không gian.
- B. Thu nhận sự chuyển động trong không gian.
- C. Thu nhận thông tin về vị trí chuyển động trong không gian.
- D. Tiếp nhận thông tin vị trí của các vật thể trong không gian.

Câu 4: Tai ngoài được giới hạn với tai giữa bởi bộ phận nào?

- A. Ống bán khuyên.
- B. Màng nhĩ.

C. Chuỗi tai xương.

D. Vòi nhĩ.

Câu 5: Quá trình thu nhận kích thích của sóng âm diễn ra như thế nào?

A. Vành tai hứng sóng âm → màng nhĩ rung → âm thanh được khuếch đại nhờ chuỗi xương tai → màng cửa bầu rung, chuyển động ngoại dịch và nội dịch → tế bào thụ cảm → dây thần kinh về vùng thính giác.

B. Vành tai hứng sóng âm → màng nhĩ rung → âm thanh được khuếch đại nhờ chuỗi xương tai → tế bào thụ cảm → dây thần kinh về vùng thính giác.

C. Vành tai hứng sóng âm → màng nhĩ rung → màng cửa bầu rung, chuyển động ngoại dịch và nội dịch → âm thanh được khuếch đại nhờ chuỗi xương tai → tế bào thụ cảm → dây thần kinh về vùng thính giác.

D. Vành tai hứng sóng âm → màng cửa bầu rung, chuyển động ngoại dịch và nội dịch → âm thanh được khuếch đại nhờ chuỗi xương tai → màng nhĩ rung → tế bào thụ cảm → dây thần kinh về vùng thính giác.

Câu 6: Nếu âm thanh ở bên phía tai phải thì tai nào nhận được sóng âm trước?

A. Tai trái.

B. Tai phải.

C. Cả hai tai cùng nhận.

D. Một trong hai tai.

Câu 7: Ốc tai màng là một ống màng chạy dọc ống tai xương và cuộn quanh trụ ốc hai vòng rưỡi, gồm

A. màng tiền đình ở phía trên, màng cơ sở ở phía dưới và màng bên áp sát vào vách xương của ốc tai xương.

B. màng cơ ở phía trên, màng tiền đình ở phía dưới và màng bên áp sát vào vách tai của ốc tai xương.

C. màng cơ ở phía trên, màng bên ở phía dưới và màng tiền đình áp sát vào vách tai của ốc tai xương.

D. màng cơ ở phía dưới, màng tiền đình ở phía trên và màng bên áp sát vào vách tai của ốc tai xương.

Câu 8: Ráy tai có là do đâu?

A. Do các tuyến ráy trong thành ống tai tiết ra.

B. Do tai ẩm.

C. Do tế bào thụ cảm tiết ra.

D. Do chất dịch ở màng trong của tai tiết ra.

Câu 9: Tại sao phải tránh tiếp xúc với nơi có tiếng ồn mạnh hoặc tiếng động mạnh thường xuyên?

A. Vì làm thủng màng nhĩ dẫn đến nghe không rõ.

B. Vì dễ dẫn đến viêm tai dẫn đến nghe không rõ.

C. Vì làm giảm tính đàn hồi của màng nhĩ dẫn đến nghe không rõ.

D. Vì làm thủng màng nhĩ dẫn đến bị điếc.

Câu 10: Chuỗi xương tai bao gồm

A. Xương búa.

B. Xương đe.

C. Xương bàn đạp.

D. Cả 3 xương trên.

Bài 52: Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện

A. Lý thuyết

I. Phân biệt phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện

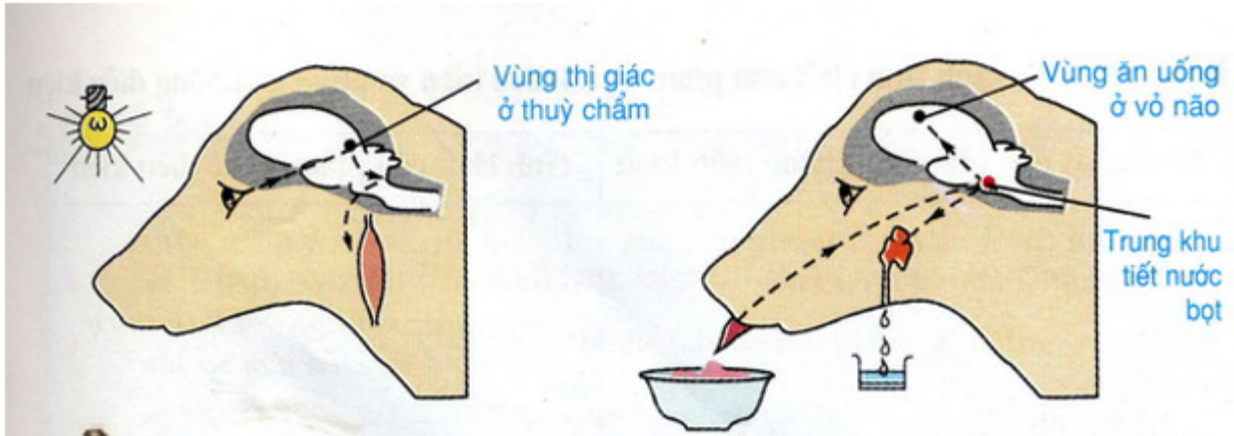
- Phản xạ không điều kiện là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập
- Phản xạ có điều kiện là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện.

STT	Ví dụ	Phản xạ không điều kiện	Phản xạ có điều kiện
1	Tay phải chạm vào vật nóng, rút tay lại	X	
2	Đi nắng, mặt đỏ gay, mồ hôi vã ra	X	
3	Qua ngã tư thấy đèn đỏ vội dừng xe trước vạch kẻ		X
4	Trời rét, môi tím tái, người run cầm cập và sồn gai ốc	X	
5	Gió mùa đông bắc về, nghe tiếng gió rít qua khe cửa chắc trời lạnh lắm, tôi vội mặc áo len đi học		X
6	Chẳng đại gì mà chơi/đùa với lửa		X

II. Sự hình thành phản xạ có điều kiện

1. Sự hình thành

- Phản xạ có điều kiện được hình thành khi có sự kết hợp giữa một kích thích gây phản xạ không điều kiện với một kích thích bất kì (tín hiệu) và phải được lặp đi lặp lại nhiều lần.



Hình 52-1. Phản xạ định hướng với ánh đèn

Hình 52-2. Phản xạ tiết nước bọt đối với thức ăn



Hình 52-3. Thành lập phản xạ có điều kiện tiết nước bọt khi có ánh đèn

A. Bật đèn rồi cho ăn nhiều lần, ánh đèn sẽ trở thành tín hiệu của ăn uống

B. Phản xạ có điều kiện tiết nước bọt với ánh đèn đã được thành lập

2. Ức chế phản xạ có điều kiện

- Nếu không được củng cố, dần dần phản xạ có điều kiện đã hình thành sẽ mất. Đó là ức chế tắt dần PXCĐK

- Ý nghĩa:

+ Đảm bảo với sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống luôn thay đổi

+ Hình thành các thói quen và tập quán tốt của con người.

III. Tính chất và ý nghĩa của phản xạ có điều kiện

- Phản xạ có điều kiện được hình thành qua quá trình luyện tập, dễ mất nếu không được củng cố, không di truyền được.
- Phản xạ có điều kiện dễ thay đổi giúp cơ thể thích nghi với điều kiện sống mới

B. Trắc nghiệm

Câu 1: Phản xạ có điều kiện là

- A. phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, rút kinh nghiệm.
- B. phản xạ có sẵn, sinh ra đã có, không cần phải học tập.
- C. phản xạ được hình thành trong đời sống.
- D. phản xạ đã được hình thành trong quá trình tích lũy.

Câu 2: Ví dụ nào dưới đây thuộc phản xạ không điều kiện?

- A. Trời rét tự giác mặc áo cho ấm.
- B. Chạm tay vào vật nóng vội rút tay lại.
- C. Chạy bộ thì người đổ mồ hôi.
- D. Sáng ngủ dậy đánh răng rửa mặt.

Câu 3: Phản xạ không điều kiện là

- A. phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, rút kinh nghiệm.
- B. phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập.
- C. phản xạ sinh ra đã có, nhưng phải học tập mới biết được.
- D. phản xạ đã được hình thành trong quá trình tích lũy.

Câu 4: Buổi sáng nghe thấy chuông báo thức sẽ bật dậy. Đây là ví dụ của loại phản xạ nào?

- A. Phản xạ không điều kiện.
- B. Phản xạ có điều kiện.
- C. Phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện.
- D. Phản xạ có điều kiện hoặc phản xạ không điều kiện

Câu 5: Thí nghiệm về sự phản xạ có điều kiện do ai nghiên cứu?

- A. Paplop.
- B. Moocgan.
- C. Lamac.
- D. Mendel.

Câu 6: Phản xạ nào phải thường xuyên củng cố, nếu không củng cố sẽ mất do ức chế tắt dần?

- A. Phản xạ không điều kiện.
- B. Phản xạ có điều kiện.
- C. Phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện.
- D. Phản xạ có điều kiện hoặc phản xạ không điều kiện.

Câu 7: Phản xạ không điều kiện có tính chất nào dưới đây?

- A. Bẩm sinh.
- B. Dễ mất khi không củng cố.
- C. Số lượng không hạn định.
- D. Hình thành đường liên hệ tạm thời.

Câu 8: Điều nào dưới đây không đúng?

- A. Phản xạ không điều kiện là cơ sở để thành lập phản xạ có điều kiện.
- B. Phản xạ không điều kiện có cung phản xạ đơn giản.
- C. Phản xạ có điều kiện trả lời các kích thích bất kì hay kích thích có điều kiện.
- D. Phản xạ có điều kiện có tính chất di truyền, mang tính chủng loại.

Câu 9: Phản xạ có điều kiện có tính chất nào dưới đây?

- A. Dễ mất khi không củng cố.
- B. Số lượng không hạn định.
- C. Hình thành đường liên hệ tạm thời.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 10: Ví dụ nào dưới đây thuộc phản xạ không điều kiện?

- A. Thí nghiệm của Paplop.
- B. Vỗ tay thì cá ngoi lên.
- C. Làm bài tập về nhà trước khi lên lớp.
- D. Chạy nhanh thì tim đập mạnh.

- BÀI 53. HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CẤP CAO Ở NGƯỜI
- BÀI NÀY CÁC EM TỰ ĐỌC SGK NHÉ!